



Máy in màu HP Color LaserJet Enterprise 5700dn

Nhỏ gọn và mạnh mẽ. Hiệu quả vượt trội.

Thay đổi quy trình làm việc với các tính năng tiên tiến trong một máy in nhỏ gọn. Từ tốc độ in đến bảng màu⁹, bạn có thể sở hữu các cấu hình linh hoạt để đáp ứng nhu cầu trong hiện tại và tương lai. Cung cấp các tính năng hoàn chỉnh, đồng thời bảo vệ doanh nghiệp của bạn khỏi các mối đe dọa ngày càng khó lường về mạng.



Máy in này chỉ hoạt động với các hộp mực có chip HP mới hoặc được sử dụng lại, và máy in sử dụng các biện pháp bảo mật động để chặn các hộp mực sử dụng chip không phải của HP. Cập nhật phần mềm điều khiển định kỳ sẽ duy trì hiệu quả của các biện pháp này và chặn các hộp mực đã hoạt động trước đó. Chip HP tái sử dụng cho phép sử dụng hộp mực tái sử dụng, tái sản xuất và nạp lại. Xem thêm tại: <http://www.hp.com/learn/ds>



Storage



Print apps



HP Web Jetadmin



Privacy

Sở hữu tính năng vượt xa máy in bình thường trong một thiết kế nhỏ gọn

- Đạt hiệu suất cao nhất với nhiều cấu hình có thể mở rộng mang lại năng suất vượt trội cho nhu cầu in mạnh mẽ.
- In tốc độ cao lên đến 45 trang/phút¹ giúp bạn hoàn thành mọi việc nhanh hơn.
- Duy trì hiệu suất và luôn cập nhật các tính năng mới nhất trong toàn đội của bạn với chương trình cơ sở HP FutureSmart có thể nâng cấp.²
- Kiểm soát môi trường in bằng HP Web Jetadmin³ để giúp quản lý đội của bạn và xây dựng trải nghiệm in đồng nhất.

Các giải pháp có thể tùy chỉnh và mở rộng⁷

- Sở hữu chức năng bạn cần với cấu hình máy in linh hoạt và giải pháp dễ mở rộng. Tối ưu hóa thiết bị cho phù hợp với nhu cầu kinh doanh và ngân sách của bạn.
- Tùy chọn bộ nhớ bao gồm ổ HDD và SSD để xử lý dữ liệu và tài liệu được lưu trữ trên thiết bị.

Quá trình số hóa nhanh chóng và liền mạch

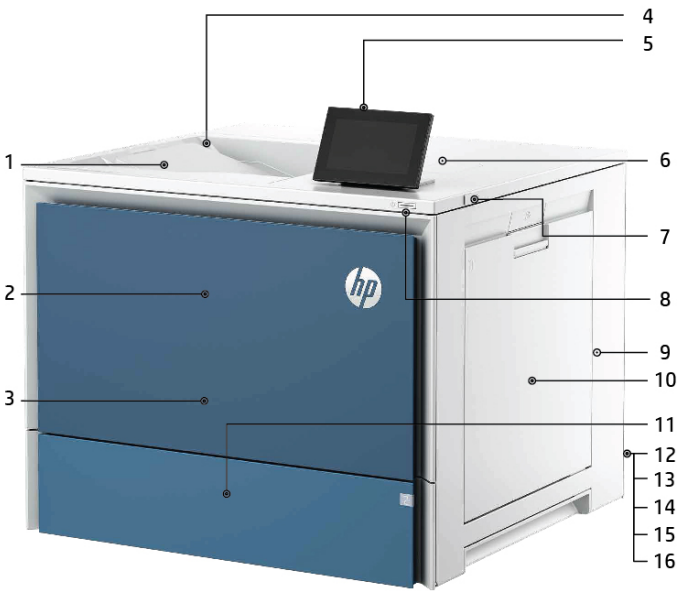
- Tùy chỉnh trải nghiệm in ấn của bạn với các ứng dụng HP Workpath được kết nối với đám mây. Truy cập nội dung cá nhân hóa cũng như tích hợp các quy trình làm việc kỹ thuật số và trên giấy.⁴
- Cung cấp cho đối ngũ làm việc các công cụ để thành công với nền tảng HP Open Extensibility Platform chứa hàng trăm giải pháp của HP và bên thứ ba cũng như hỗ trợ đầu đọc thẻ.
- Biến công việc quản lý màu sắc trở nên đơn giản với HP Custom Color Manager. Chỉ cần chọn cấu hình màu từ đám mây và màu cho ra sẽ là sự kết hợp hoàn hảo giữa tài liệu và thiết bị. Có được cấu hình màu chất lượng cao mà không cần đến hệ thống khớp màu đắt tiền và phức tạp.⁸

Luôn an toàn với HP Wolf Security

- Với sự hỗ trợ của HP Sure Start, mã hoạt động (BIOS) sẽ tự động được kiểm tra trong quá trình khởi động và tự sửa chữa nếu phát hiện có xâm phạm.
- Trình kiểm tra kết nối HP sẽ kiểm tra kết nối mạng. Kết nối mạng chiều đi của máy in luôn được kiểm tra để ngăn chặn các yêu cầu đáng ngờ và phần mềm độc hại, đảm bảo kết nối thông suốt.
- Hệ thống Memory Shield™ và khả năng phát hiện xâm nhập mở rộng trong thời gian chạy giúp bảo vệ bộ nhớ và các ứng dụng khác. Tiêu chí chung được chứng nhận⁶ để liên tục theo dõi hoạt động của bộ nhớ, phát hiện và ngăn chặn cuộc tấn công zero-day theo thời gian thực [đã biết/chưa biết] và tự khôi phục.
- Giảm thiểu phơi nhiễm nhờ khả năng kiểm tra lập danh sách trắng, firmware được tự động kiểm tra trong quá trình khởi động để xác định xem đó có phải là mã xác thực được HP ký bằng phương thức điện tử hay không.

Tổng quan sản phẩm

- 1. In hai mặt tự động
- 2. Ổ lưu trữ HP eMMC
- 3. Tiếp cận hộp mực All-in-One từ cửa trước
- 4. khay giấy ra chứa 250 tờ hỗ trợ tới khổ giấy Legal (8,5x14 inch)
- 5. Màn hình cảm ứng màu 4,3 inch (10,9 cm)
- 6. Gói Tích hợp Phần cứng¹ (dùng để kết nối phụ kiện và các thiết bị của bên thứ ba)
- 7. Cổng USB để truy cập²
- 8. Nút nguồn
- 9. Cửa phải vào đường dẫn in
- 10. khay giấy đa năng số 1 chứa 100 tờ hỗ trợ tới khổ giấy Legal (8,5x14 inch)
- 11. khay giấy số 2 chứa 550 tờ hỗ trợ tới khổ giấy Legal (8,5x14 inch)
- 12. Khe lắp khóa bảo mật dạng cấp³
- 13. Cổng chính SuperSpeed USB 3.0³
- 14. Cổng chính Hi-Speed USB 2.0³
- 15. Cổng mạng Gigabit Ethernet³
- 16. Cổng thiết bị SuperSpeed 3.0³



¹ Các giải pháp được triển khai thông qua Gói Tích hợp Phần cứng (HIP) có thể yêu cầu phải mua thêm. ² Quản trị viên phải kích hoạt cổng USB để truy cập trước khi sử dụng. ³ Các linh kiện có ở mặt sau của máy in ở Tầm đầu vào/đầu ra.

Sơ lược về dòng sản phẩm



Model	Máy in màu HP Color LaserJet Enterprise 5700dn
Mã sản phẩm	6QN28A
Các chức năng	In
Tốc độ in	Lên đến 43 trang/phút (A4)
Bảng điều khiển	Màn hình màu cảm ứng 10,9 cm
RMPV	Lên đến 10.000 trang/tháng
Công suất đầu vào	650/2.300 (tiêu chuẩn/tối đa)
Công suất đầu ra (tiêu chuẩn)	250 tờ
Bộ xử lý	Lõi kép 1,4 GHz
Đã kích hoạt Workpath	Có (với nâng cấp 2 GB)
Khả năng mở rộng	HP FutureSmart 5, Open Extensibility Platform dành cho thiết bị

Phụ kiện, Vật liệu & Hỗ trợ

Vật tư	Hộp mực LaserJet màu đen chính hãng HP 213A W2130A (~3.500 trang) Hộp mực LaserJet màu lục lam chính hãng HP 213A W2131A (~3.000 trang) Hộp mực LaserJet màu vàng chính hãng HP 213A W2132A (~3.000 trang) Hộp mực LaserJet màu hồng tím chính hãng HP 213A W2133A (~3.000 trang) Hộp mực LaserJet màu đen chính hãng HP 213X W2130X (~9.000 trang) Hộp mực LaserJet màu lục lam chính hãng HP 213X W2131X (~6.000 trang) Hộp mực LaserJet màu vàng chính hãng HP 213X W2132X (~6.000 trang) Hộp mực LaserJet màu hồng tím chính hãng HP 213X W2133X (~6.000 trang) Hộp mực LaserJet màu đen chính hãng HP 213Y W2130Y (~18.000 trang) Hộp mực LaserJet màu lục lam chính hãng HP 213Y W2131Y (~12.000 trang) Hộp mực LaserJet màu vàng chính hãng HP 213Y W2132Y (~12.000 trang) Hộp mực LaserJet màu hồng tím chính hãng HP 213Y W2133Y (~12.000 trang) Cụm sấy 110 V cho máy in HP LaserJet 527G0A Cụm sấy 220 V cho máy in HP LaserJet 527G1A Cụm sấy tăng cường 110 V cho máy in HP LaserJet 527G6A Cụm sấy tăng cường 220 V cho máy in HP LaserJet 527G7A Bảng truyền ảnh cho máy in HP LaserJet 527G8A Bộ bảng truyền ảnh cho máy in HP LaserJet 527G9A Bộ trục cuộn khay 2 cho máy in HP LaserJet 527H2A Trục cuộn khay MP cho máy in HP LaserJet 527H3A
Phụ kiện	Bộ mở rộng USB bên trong HP 4XN67A Phụ kiện HP Jetdirect LAN 8FP31A Vỏ ổ cứng có thể tháo rời HP 2NR12A Trợ lý in ấn bằng giọng nói HP 478C2A Chân đế HP Color LaserJet 6QN54A Chân đế cắt trừ HP Color LaserJet 6QN55A Khay giấy 550 tờ HP Color LaserJet 6QN57A Ram HP 2 GB DDR3Lx32 120 châu 933 MHz DIMM 6QY68A Ram HP 2 GB DDR3Lx32 120 châu 933 MHz TAA DIMM 616H1A Đầu đọc thẻ phổ thông HP USB X3D03A Đầu đọc phim HP HIP2 Y7C05A Đầu đọc HP Legic Secure USB 4QL32A Đầu đọc phim HP HID Mob Acc Mifare DES Fire 35H11A Ổ đĩa cứng HP 500 GB CCC FIPS 9EQ11A Phụ kiện HP Jetdirect 3100 W BLE/NFC/Không dây 3JN69A Ổ cứng thể rắn SED-TAA 512 GB HP LaserJet 766R7A Khay giấy 550 tờ màu xám ảnh trắng HP Color LaserJet 65A32A Chân đế/Khay giấy công suất cao 2100 tờ màu xám ảnh trắng HP Color LaserJet 65A37A Chân đế cắt trừ màu xám ảnh trắng HP Color LaserJet 65A42A
Dịch vụ và Hỗ trợ	U46S9E Dịch vụ sửa chữa vào ngày làm việc tiếp theo kèm giữ lại phương tiện bị lỗi dành cho máy in màu LaserJet Enterprise 570x trong vòng 3 năm của HP U45NVE Dịch vụ sửa chữa vào ngày làm việc tiếp theo kèm giữ lại phương tiện bị lỗi dành cho máy in màu LaserJet Enterprise 570x trong vòng 4 năm của HP U45NWE Dịch vụ sửa chữa vào ngày làm việc tiếp theo kèm giữ lại phương tiện bị lỗi dành cho máy in màu LaserJet Enterprise 570x trong vòng 5 năm của HP U45NXE Dịch vụ 4 giờ 9x5 kèm giữ lại phương tiện bị lỗi dành cho máy in màu LaserJet Enterprise 570x trong vòng 3 năm của HP U45NYE Dịch vụ 4 giờ 9x5 kèm giữ lại phương tiện bị lỗi dành cho máy in màu LaserJet Enterprise 570x trong vòng 4 năm của HP U45NZE Dịch vụ 4 giờ 9x5 kèm giữ lại phương tiện bị lỗi dành cho máy in màu LaserJet Enterprise 570x trong vòng 5 năm của HP U45P3E Dịch vụ đổi linh kiện qua kênh kèm giữ lại phương tiện bị lỗi dành cho máy in màu LaserJet Enterprise 570x trong vòng 3 năm của HP U45P4E Dịch vụ đổi linh kiện qua kênh kèm giữ lại phương tiện bị lỗi dành cho máy in màu LaserJet Enterprise 570x trong vòng 4 năm của HP U45P5E Dịch vụ đổi linh kiện qua kênh kèm giữ lại phương tiện bị lỗi dành cho máy in màu LaserJet Enterprise 570x trong vòng 5 năm của HP U45P6PE Dịch vụ sửa chữa vào ngày làm việc tiếp theo kèm giữ lại phương tiện bị lỗi sau bảo hành 1 năm dành cho máy in màu LaserJet Enterprise 570x của HP U45P8PE Dịch vụ 4 giờ 9x5 kèm giữ lại phương tiện bị lỗi sau bảo hành 1 năm dành cho máy in màu LaserJet Enterprise 570x U45PDPE Dịch vụ đổi linh kiện qua kênh kèm giữ lại phương tiện bị lỗi sau bảo hành 1 năm dành cho máy in màu LaserJet Enterprise 570x của HP U45U8E Dịch vụ thay thế bộ bảo trì HP cho bộ sấy 110 máy in màu LaserJet Enterprise 570x X557xx U45U9E Dịch vụ thay thế bộ bảo trì HP cho bộ sấy 110 nâng cao máy in màu LaserJet Enterprise 570x X557xx U45V0E Dịch vụ thay thế bộ bảo trì HP cho bộ sấy 220 máy in màu LaserJet Enterprise 570x X557xx U45V1E Dịch vụ thay thế bộ bảo trì HP cho bộ sấy 220 nâng cao máy in màu LaserJet Enterprise 570x X557xx U45V2E Dịch vụ thay thế bộ bảo trì HP cho ITB máy in màu LaserJet Enterprise 570x X557xx U45V3E Dịch vụ thay thế bộ bảo trì HP cho bộ ITB máy in màu LaserJet Enterprise 570x X557xx U45V4E Dịch vụ thay thế bộ bảo trì HP cho TCU máy in màu LaserJet Enterprise 570x X557xx U45V5E Dịch vụ thay thế bộ bảo trì HP cho trục cuộn khay MP máy in màu LaserJet Enterprise 570x X557xx U45V6E Dịch vụ thay thế bộ bảo trì HP cho trục cuộn khay 2 máy in màu LaserJet Enterprise 570x X557xx

Thông số kỹ thuật

Model	Máy in màu HP Color LaserJet Enterprise 5700dn
Mã sản phẩm	6QN28A
Các chức năng	In
Bảng điều khiển	Màn hình cảm ứng 4,3 inch (10,9 cm) với đồ họa màu
In	
Công nghệ in	Laser
Tốc độ in ⁶	Đen trắng (A4, thường): Lên tới 43 trang/phút Màu (A4, thường): Lên tới 43 trang/phút ; Đen trắng (A4, hai mặt): Lên đến 43 ảnh/phút Màu (A4, hai mặt): Lên đến 43 ảnh/phút
Trang ra đầu tiên ⁸	Đen trắng (A4, sẵn sàng): Nhanh 6,9 giây Màu (A4, sẵn sàng): Nhanh 7,6 giây ; Đen trắng (A4, chế độ ngủ): Nhanh 9,2 giây Màu (A4, chế độ ngủ): Nhanh 10,2 giây
Độ phân giải in	Đen trắng (tốt nhất): Tối đa 1.200 x 1.200 dpi Màu (tốt nhất): Lên đến 1200 x 1200 dpi ; Công nghệ: HP ImageREt 3600, Enhanced (600x600 dpi), Fine Lines (1200x1200 dpi), Quickview (300x300 dpi)
Chu kỳ hoạt động hàng tháng	Tối đa 80.000 trang A4; Số lượng trang được đề xuất hàng tháng: 2000 đến 10000
Tính năng phần mềm thông minh của máy in	Apple AirPrint™, Chứng nhận Mopria, Nền tảng Open Extensibility Platform, Firmware FutureSmart, Công nghệ Bật tức thì, Công nghệ Tự động bật/tắt của HP, USB Dễ truy cập, In hai mặt, 0 tích hợp phần cứng, Bảng điều khiển màn hình cảm ứng 4,3 inch (10,9 cm) trực quan, in nhiều trang trên mỗi tờ (2, 4, 6, 9, 16), chia bộ, hình chìm, lưu trữ lệnh in, xem trước bản in
Ngôn ngữ in ấn tiêu chuẩn	HP PCL 6; HP PCL 5c; Mô phỏng mức 3 postscript HP, in PDF nguyên bản (phiên bản 1.7)
Phông và kiểu chữ	105 phông TrueType nội bộ có thể thay đổi ở HP PCL, 92 phông nội bộ có thể thay đổi ở mô phỏng mức 3 HP Postscript (ký hiệu Euro tích hợp sẵn); 1 Phông Unicode nội bộ (Andale Mono WorldType); 2 Phông chữ Windows Vista 8 Nội bộ (Calibri, Cambria); có sẵn các giải pháp phông chữ bổ sung thông qua thẻ nhớ flash bên thứ ba; Phông LaserJet và IPDS Emulation của HP có sẵn tại http://www.hp.com/go/laserjetfonts
Vùng in	Lề in Hàng đầu: 4,3 mm, Dưới cùng: 4,3 mm, Trái: 4,3 mm, Phải: 4,3 mm; Vùng in tối đa : 207,4 x 1191,4 mm
In hai mặt	Tự động
Tốc độ bộ xử lý	1,4 GHz
Khả năng kết nối	
Tiêu chuẩn	1 cổng SuperSpeed USB 3.0 (thiết bị); 1 cổng SuperSpeed USB 3.0 (chính); 1 cổng USB 2.0 tốc độ cao (chính); Mạng Ethernet 10/100/1000T 1 Gigabit; 1 Phần cứng tích hợp bộ túi thể hệ thứ 2 (HIP2)
Optional	Phụ kiện HP Jetdirect 3100w BLE/NFC/Không dây 3JN69A; Phụ kiện LAN HP Jetdirect 8FP31A
Khả năng in trên thiết bị di động	Apple AirPrint™; NFC chạm để in (tùy chọn); Có chứng nhận Mopria™
Hỗ trợ giao thức mạng	Qua giải pháp kết nối mạng tích hợp: TCP/IP, IPv4, IPv6; In: Chế độ trực tiếp 9100 cổng TCP-IP, LPD (chỉ hỗ trợ hàng đợi in từ giao thức Raw), Web Services Printing, IPP 2.0, Apple AirPrint™, Google Cloud Print; PHÁT HIỆN: SLP, Bonjour, Web Services Discovery; CẤU HÌNH IP: IPv4 (BootP, DHCP, AutoIP, Thủ công, Cấu hình TFTP, ARP-Ping), IPv6 (Liên kết Không trạng thái-Cục bộ và qua Bộ định tuyến, Đủ trạng thái qua DHCPv6); Quản lý: SNMPv2/v3, HTTP/HTTPS, Telnet, Cấu hình TFTP, FTP FW Download, Syslog; Bảo mật: SNMPv3, Quản lý Chứng chỉ SSL, Tường lửa, ACL, 802.1x
Khả năng nối mạng	Có, thông qua máy chủ in tích hợp HP Jetdirect Ethernet (tiêu chuẩn) hỗ trợ: 10Base-T, 100Base-Tx, 1000Base-T; 802.3az (EEE) hỗ trợ trên Fast Ethernet và Gig Links; IPsec (tiêu chuẩn); Kết nối mạng không dây 802.11a/b/g/n (tùy chọn).
Ổ cứng	Tiêu chuẩn, eMMC 16 GB; Tùy chọn, eMMC 32 GB (thông qua CTO); Tùy chọn, HDD tối thiểu 500 GB; Tùy chọn, SSD 256 GB (thông qua CTO)
Bộ nhớ	Tiêu chuẩn: 1,5 GB ; Tối đa: 3,5 GB
Xử lý giấy ảnh media	
Số khay giấy	Tiêu chuẩn: 2 ; Tối đa: 5
Loại giấy in	Giấy (trơn, nhẹ, trung bình, thô nhẹ, thô, tái chế, trọng lượng trung bình, nặng, bóng trọng lượng trung bình, bóng nặng, cực nặng, bóng cực nặng, bìa cứng, thẻ bóng), màu trong suốt, nhân, tiêu đề thư, phong bì, in sẵn, đục lỗ trước, màu, thô ráp, phim mờ, do người dùng xác định
Khổ giấy in	Tùy chỉnh (theo hệ mét): Khay 1: 64 x 127 đến 216 x 1200 mm; Khay 2, khay nạp giấy 1x550-sheet tùy chọn: 101 x 148 đến 216 x 356 mm Có hỗ trợ (theo hệ mét): Khay 1: A4, A5, A6, RA4, B5, B6, 16k, 10 x 15 cm, Oficio, bưu thiếp (JIS đơn và kép) Phong bì (DL, C5, B5, C6); Khay 2, tùy chọn 1x550-sheet khay nạp giấy: A4, A5, A6, RA4, B5, B6, 10 x 15 cm, Oficio, 16k, Dpostcard (JIS)
Xử lý giấy ảnh media	Khay 1: Giấy: 100 tờ loại giấy 75 g/m²; Phong bì: 10 Khay 2: Giấy: 550 tờ Tối đa: Tối đa 2300 tờ
Trọng lượng giấy ảnh media	Khay 1: 60 đến 220 g/m² (giấy trơn), 120 đến 220 g/m² (giấy bóng); Khay 2: 60 đến 220 g/m² (giấy trơn), 120 đến 220 g/m² (giấy bóng); khay nạp giấy tùy chọn 550 tờ: 60 đến 220 g/m² (giấy trơn), 120 đến 220 g/m² (giấy bóng);
Công suất đầu vào	Đầu vào tiêu chuẩn: Khay giấy vào 550 tờ, khay đa dụng 100 tờ Đầu ra tiêu chuẩn: Khay giấy ra 250 tờ Đầu vào tùy chọn: khay nạp giấy 550 tờ tùy chọn (tối đa 3)
Công suất đầu ra	Tiêu chuẩn: Tối đa 250 tờ Tối đa: Tối đa 250 tờ
Hệ điều hành tương thích	Windows 11; Windows 10; Hệ điều hành Windows Client; Android; iOS; Hệ điều hành di động; macOS 10.15 Catalina; macOS 11 Big Sur; macOS 12 Monterey; Linux; Chrome OS
Các hệ điều hành mạng tương thích	Windows Server; SAP; Novell; UNIX; Citrix
Yêu cầu hệ thống tối thiểu	Windows: Có sẵn 2 GB dung lượng đĩa cứng; Kết nối Internet; hoặc cổng USB; Trình duyệt Internet. Để biết các yêu cầu khác đối với phần cứng hệ điều hành, vui lòng truy cập microsoft.com ; Mac: Có sẵn 2 GB dung lượng ổ cứng; Kết nối Internet; hoặc cổng USB; Trình duyệt Internet. Để biết các yêu cầu khác đối với phần cứng hệ điều hành, vui lòng truy cập apple.com ;
Phần mềm đi kèm	Giải pháp phần mềm không được đính kèm trong Hộp, chỉ có trên http://hp.com hoặc http://123.hp.com ;
Quản lý bảo mật	Quản lý danh tính: Xác thực Kerberos; Xác thực LDAP; 1000 mã PIN người dùng; các giải pháp xác thực năng cao tùy chọn của HP và bên thứ 3 (ví dụ: đầu đọc thẻ); Mạng: IPsec/tường lửa kèm Chứng nhận; Mã chia sẻ trước; và xác thực Kerberos; Hỗ trợ tiện ích bổ trợ cấu hình IPsec WJA-10; Xác thực 802.1X (EAP-PEAP; EAP-TLS); SNMPv3; HTTPS; Chứng nhận; Danh sách kiểm soát truy cập; Dữ liệu: Mã hóa bộ lưu trữ; Mã hóa PDF & Email (sử dụng thư viện mật mã được xác thực FIPS 140 từ Microsoft); Secure Erase; SSL/TLS (HTTPS); Thông tin đăng nhập đã mã hóa; Thiết bị: Khe cắm khóa bảo mật; Vô hiệu hóa cổng USB; gói tích hợp phần cứng cho các giải pháp bảo mật; Memory Shield™ dựa trên phần cứng với công nghệ Control Flow Integrity (CFI) tích hợp trên thiết bị giúp giám sát các cuộc tấn công; Công nghệ SureStart Secure Boot - Kiểm tra Tính toàn vẹn của BIOS với khả năng tự khôi phục; Lập danh sách an toàn - chỉ tải mã không độc hại đã biết (DLL, ExE,...); Quản lý bảo mật: Tương thích với các Thông báo Nhật ký hệ thống bảo mật thiết bị được xử lý và có thể truy cập trong Arcsight cũng như Splunk SIEM
Quản lý máy in	HP Web JetAdmin; Máy chủ web nhúng; Trình quản lý bảo mật HP; HP Insights; HP Advance; Trung tâm điều khiển HP; Dịch vụ thiết bị thông minh (SDS) của HP

Thông số kỹ thuật

Model	Máy in màu HP Color LaserJet Enterprise 5700dn
Mã sản phẩm	6QN28A
Kích thước và trọng lượng	
Kích thước máy in (R x S x C) ⁹	Tối thiểu 500 x 460 x 415 mm; Tối đa: 885 x 770 x 470 mm
Kích thước đóng thùng (R x S x C)	498 x 598 x 652 mm
Trọng lượng máy in	31,14 kg
Trọng lượng đóng thùng	34,3 kg
Môi trường hoạt động	Nhiệt độ: 10 đến 32,5°C Độ ẩm: 30 đến 70% RH
Điều kiện lưu trữ	Nhiệt độ: -20 đến 40°C
Âm thanh	Phát xạ công suất âm thanh: 6,5 B(A) Phát xạ áp suất âm thanh: 53 dB(A)
Nguồn điện	Yêu cầu: Điện áp đầu vào: 100V đến 127V danh định (+/-10%), 50 - 60Hz danh định (+/- 3Hz), 12 A; Điện áp đầu vào: 220 V đến 240V danh định (+/-10%), 50 - 60Hz danh định (+/- 3Hz), 6 A; Tiêu thụ: 605,3 watt (In ấn/Photocopy), 40,1 watt (Chế độ Sẵn sàng), 1,1 watt (Chế độ Ngủ), 0,09 watt (Tắt Thủ công); Mức tiêu thụ Điện Điển hình (TEC) ³ : 0,515 kWh/tuần (Energy Star 3.0); 0,491 kWh/tuần (Blue Angel); Loại nguồn điện: Nguồn điện 110V hoặc 220V lắp sẵn (không phải điện áp kép, nguồn điện thay đổi theo mã sản phẩm với mã định danh tùy chọn)
Công nghệ tiết kiệm năng lượng	Công nghệ HP Auto-On/Auto-Off; Công nghệ bật tức thì; Chế độ ngủ công suất thấp; Tiết kiệm điện năng
Chứng nhận ¹	UL/cUL (US/Canada); RCM (Úc); TUV và GS Mark (Đức); Cực Tiêu chuẩn Công nghiệp Campuchia; Cực Tiêu chuẩn, Đo lường và Thanh tra Bộ Kinh tế - BSMI (Đài Loan); Giấy chứng nhận Chứng nhận sản phẩm bắt buộc của Trung Quốc - CCC (Trung Quốc); Cực Tiêu chuẩn Ấn Độ - Đăng ký BIS (Ấn Độ); PSB (Singapore); Phê duyệt của quốc gia Đông Âu; Dấu CE; Các phê duyệt An toàn và Chứng nhận EMC khác theo yêu cầu của từng quốc gia. Tiêu chuẩn phát xạ điện từ: CISPR 22:2008 (Quốc tế) Loại B, CISPR 32:2015 (Quốc tế) Loại B / EN 55032:2015 Loại A + A11:2020, CISPR 35:2016 (Quốc tế) / EN 55035:2017 + A11:2020, EN IEC 61000--3--2:2019, EN 61000--3--3:2013+A1:2019 + A2:2021, FCC 47 CFR Phần 15 Loại B, ICES-003, Phần 7 Loại A. Các phê duyệt EMC khác theo yêu cầu của từng quốc gia. CECP; Tuyên bố IT ECO; Blue Angel; Đã đăng ký EPEAT® Gold; SEPA; KOECO; Đạt chứng nhận ENERGY STAR® Tuần thủ Blue Angel ⁴ Có, Blue Angel DE-UZ 219—chỉ được bảo đảm khi sử dụng mực in HP chính hãng
Thông số kỹ thuật tác động bền vững	5% nhựa tái chế từ rác thải sinh hoạt; Đạt chứng nhận ENERGY STAR®; Đã đăng ký EPEAT®
Xuất xứ	Sản xuất tại Nhật Bản
Trong hộp có gì ²	6QN28A Máy in màu một chức năng HP Color LaserJet Single-function Printer; Hộp mực màu đen chính hãng HP (~3,500 trang), Hộp mực màu xanh lơ chính hãng HP, Hộp mực màu hồng tím chính hãng HP và Hộp mực màu vàng chính hãng HP (~3,000 trang mỗi hộp mực) (các hộp mực đã được lắp đặt); Tài liệu (Hướng dẫn lắp đặt phần cứng); Dây nguồn
Bảo hành	Bảo hành tận nơi, vào ngày làm việc tiếp theo, trong một năm. Các dịch vụ bảo hành và hỗ trợ khác nhau tùy thuộc vào sản phẩm, theo các yêu cầu pháp luật của quốc gia và địa phương. Hãy truy cập http://www.hp.com/support để tìm hiểu về các dịch vụ và hỗ trợ đã giành giải thưởng của HP tại khu vực của bạn.

Ghi chú

¹ Đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm tra đầu tiên. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi theo cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

² Những thiết bị đời cũ có thể không dùng được một số tính năng có trong các bản nâng cấp chương trình cơ sở HP FutureSmart trong tương lai vì một số lý do như đặc điểm vật lý của sản phẩm giới hạn chức năng của tính năng mới.

³ Có thể tải xuống HP Web Jetadmin miễn phí tại hp.com/go/wja

⁴ Một số máy in đa chức năng có thể không tương thích với các ứng dụng Workpath. Để bật HP Workpath, một số thiết bị có thể yêu cầu nâng cấp chương trình cơ sở hoặc phụ kiện tùy chọn. Một số ứng dụng có thể không được cung cấp ở một số địa điểm. Bạn có thể cần mua gói đăng ký. Nội dung cá nhân hóa và các chức năng tích hợp chỉ áp dụng cho các ứng dụng HP Workpath được hỗ trợ.

⁵ Tính năng bảo mật tích hợp tiên tiến nhất của HP có sẵn trên các thiết bị HP Managed và Enterprise với firmware HP FutureSmart 4.5 trở lên. Tuyên bố dựa trên đánh giá của HP về các tính năng đã phát hành trong năm 2022 của những máy in cạnh tranh cùng loại. HP là đơn vị duy nhất cung cấp sự kết hợp giữa các tính năng bảo mật để tự động phát hiện, ngăn chặn và phục hồi sau tấn công bằng tính năng khởi động lại tự phục hồi, tuần thủ hướng dẫn NIST SP 800-193 về khả năng phục hồi trong không gian mạng của thiết bị. Để xem danh sách các sản phẩm tương thích, vui lòng truy cập: [hp.com/go/PrinterThatProtect](http://www.hp.com/go/printersecurityclaims) Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập: <http://www.hp.com/go/printersecurityclaims>

⁶ Chứng nhận của bên thứ ba dựa trên các yêu cầu của Tiêu chuẩn ISO/IEC 15408 theo Tiêu chí chung về Đánh giá bảo mật công nghệ thông tin kể từ tháng 5 năm 2019-2024. Chứng nhận áp dụng cho các thiết bị doanh nghiệp và được quản lý của HP sử dụng firmware HP FutureSmart phiên bản 4.5.1 trở lên. Tham khảo thêm thông tin tại: [https://www.commoncriteriaportal.org/files/epfiles/Certification Report - HP Intrusion Detection.pdf](https://www.commoncriteriaportal.org/files/epfiles/Certification%20Report%20-%20HP%20Intrusion%20Detection.pdf)

⁷ Để tìm hiểu thêm về cách định cấu hình các tùy chọn để tăng, vui lòng liên hệ với Đại diện của HP hoặc Đại diện Đối tác của bạn.

⁸ Liên hệ với Đại diện của HP hoặc Đại diện Đối tác của bạn để tìm hiểu thêm về Custom Color Manager.

⁹ Sản phẩm này đi kèm với bảng màu Xanh da trời (tiêu chuẩn). Các bảng màu khác (Vàng ánh sao, Đỏ sao chổi, Tím cực quang, Xám mặt trăng, Xanh lá vũ trụ) chỉ có sẵn khi giao dịch thông qua HP Configurator theo đơn đặt hàng hoặc theo hợp đồng thông qua Managed Print Services. Các mẫu máy được bán tại Trung Quốc có màu Xám mặt trăng (tiêu chuẩn) thay vì Xanh da trời. Vui lòng liên hệ với Đại diện của HP hoặc đối tác để tìm hiểu thêm về bảng màu có thể tùy chỉnh.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm về thông số kỹ thuật

¹ Đã đăng ký EPEAT® nếu áp dụng. Việc đăng ký EPEAT có thể khác nhau theo từng quốc gia. Xem <http://www.epeat.net> để biết trạng thái đăng ký theo quốc gia.

² Để biết thông tin về năng suất trên hộp mực đi kèm với máy in của bạn, vui lòng truy cập <https://www.hp.com/go/toneryield>. Giá trị năng suất được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19798 và ở chế độ in liên tục. Năng suất thực tế thay đổi đáng kể tùy thuộc vào hình ảnh được in và các yếu tố khác.

³ Mức Tiêu thụ Điện năng Điển hình (TEC) thể hiện lượng điện năng tiêu thụ điển hình mà một sản phẩm tiêu thụ trong 1 tuần, được đo bằng kilowatt-giờ (kWh).

⁴ Yêu cầu về nguồn điện dựa trên quốc gia/khu vực bán máy in. Không chuyển đổi điện áp hoạt động. Việc này sẽ làm hỏng máy in và làm mất hiệu lực bảo hành của sản phẩm. Giá trị Blue Angel thường dựa trên kết quả đo của thiết bị 230 V.

⁵ Năng suất được công bố dựa trên tiêu chuẩn ISO/IEC 19798 và ở chế độ in liên tục. Năng suất thực tế khác nhau phụ thuộc các hình ảnh được in và các yếu tố khác. Để biết thông tin chi tiết, vui lòng truy cập <https://www.hp.com/go/toneryield>

⁶ Được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm tra đầu tiên. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <https://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi tùy thuộc vào cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

⁷ Được đo theo phương pháp Kiểm thử hiệu suất tính năng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm thử đầu tiên. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <https://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi tùy thuộc vào cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

⁸ Được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17629. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <https://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi tùy thuộc vào cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

⁹ Kích thước tối đa có nghĩa là cửa, khay giấy và khay nạp tài liệu tự động (nếu có) ở trạng thái mở hết cỡ.



